TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮKNÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST
Ngày 03-7-2023
"V/v tranh chấp ly hôn; nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Cường và ông Nguyễn Duy Chấn
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 61/2023/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2023 v/v ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXX-ST ngày 25/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QDSST-HNGĐ ngày 12/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Ánh N, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện M, tỉnh Đắk Nông.- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện M, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:* Chị và anh Trần Quốc T chung sống từ năm 1997 đến năm 2005 đăng ký kết hôn, tại UBND xã G, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Hôn nhân của anh chị hoàn toàn tự nguyện. Anh chị có 03 người con chung, tuy nhiên có hai cháu đã trưởng thành chỉ còn cháu Trần Thị Mỹ L, sinh năm 2007. Về nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hay cãi vả dần dần lâm vào tình trạng trầm trọng không thể cứu vãn được nữa, cuộc sống hôn nhân

lúc nào cũng thấy ngột ngạt, tình cảm vợ chồng không còn nữa, anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2021 đến nay. Vì vậy chị xin được ly hôn với anh Trần Quốc T.

Về con chung: Chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 04/11/2007 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Quốc T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: anh và chị Huỳnh Thị Ánh N chung sống từ năm 1998 đến năm 2005 đăng ký kết hôn, tại UBND xã G, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Hôn nhân của anh chị hoàn toàn tự nguyện. Anh chị có 03 người con chung, tuy nhiên có hai cháu đã trưởng thành chỉ còn cháu Trần Thị Mỹ L, sinh năm 2007; nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu về kinh tế không có gì to tát đến mức ly hôn; do đó anh không đồng ý ly hôn; về con chung anh đồng ý giao cháu Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 04/11/2007 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu quan điểm về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ánh N đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Ánh N được ly hôn với anh Trần Quốc T.

Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 04/11/2007cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung, không nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Huỳnh Thị Ánh N yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Trần Quốc T, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có đăng ký hộ khẩu tại Thôn T, xã G, huyện M, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị N vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên đã có đơn xin xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án. Đối với bị đơn đã được Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng chỉ tham gia làm việc lấy lời khai và vắng mặt trong toàn bộ quá trình công khai chứng cứ và hòa giải; Tòa án triệu tập 02 lần tham gia phiên tòa (tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa) nhưng cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung vụ án:

[4] 2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T chung sống từ năm 1997 đến năm 2005 đăng ký kết hôn, tại UBND xã G, huyện M, tỉnh Đắk Nông. nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn không có tiếng nói chung, hay cãi vả dần dần lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân lúc nào cũng thấy ngột ngạt, lâu dần tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2021. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Ánh N.

[5] 2.2 Về nuôi con chung: Xét thấy, cháu Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 04/11/2007 đang ở cùng với chị N kể từ khi hai vợ chồng sống ly thân đến nay, chị N cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu, cháu L có nguyện vọng được ở với mẹ, trong quá trình giải quyết vụ án anh T cũng đồng ý giao cháu L cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do đó, cần tiếp tục giao cháu L cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[6] 2.3 Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] 2.4 Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[8]**3. Về án phí:** Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[9] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228; Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Ánh N về việc ly hôn.

1. Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Ánh N được ly hôn với anh Trần Ngọc Toản.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 04/11/2007 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung, người trực tiếp nuôi con không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục các cháu.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không có yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110 ; Điều 117 và Điều 119 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Ánh N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007156 ngày 14/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện M;
- UBND xã G, huyện M.
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thế Thắng